

Số: 448/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2022-2024 và Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2022 của Chính phủ về phê duyệt hạn mức bảo lãnh Chính phủ và hạn mức vay, về cho vay lại năm 2022;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 244/TTr-QLN ngày 24 tháng 12 năm 2021, Tờ trình số 59/TTr-QLN ngày 25 tháng 3 năm 2022 về Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2022-2024 và kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022 và văn bản số 2588/BTC-TCNH ngày 18 tháng 3 năm 2022 về phê duyệt hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2022,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022 và dự kiến Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2022-2024 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu:

a) Đảm bảo nhiệm vụ huy động vốn vay thông qua đa dạng hóa nguồn vốn và phương thức vay trong nước và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách Nhà nước, bao gồm huy động vốn vay để thực hiện các chính sách tài khóa hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn nợ, đảm bảo trong giới hạn được Quốc hội phê duyệt.

c) Thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn trong nước.

2. Dự kiến chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2022-2024:

a) Về vay, trả nợ của Chính phủ

- Tổng mức vay của Chính phủ giai đoạn 2022-2024 tối đa khoảng 2.044 nghìn tỷ đồng, trong đó vay cho ngân sách trung ương khoảng 1.927 nghìn tỷ đồng, vay về cho vay lại khoảng 117 nghìn tỷ đồng.

- Tổng trả nợ của Chính phủ giai đoạn 2022-2024 khoảng 1.116 nghìn tỷ đồng, trong đó trả nợ trực tiếp khoảng 971 nghìn tỷ đồng, trả nợ vay lại khoảng 145 nghìn tỷ đồng.

- Chủ động bố trí nguồn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế của Chính phủ.

b) Về bảo lãnh Chính phủ

- Mức bảo lãnh Chính phủ đảm bảo tốc độ tăng dư nợ Chính phủ bảo lãnh không vượt quá tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội của năm trước và trong hạn mức bảo lãnh Chính phủ giai đoạn 2021-2025 được Quốc hội phê duyệt.

- Đối với 02 ngân hàng chính sách: mức bảo lãnh hàng năm cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong giai đoạn 2022-2024 tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến hạn hàng năm (15.737 tỷ đồng); mức bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong giai đoạn 2022-2024 tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến hạn hàng năm (3.851 tỷ đồng) cộng với nghĩa vụ phát hành để thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết số 43/2022/QH15) tối đa 38.400 tỷ đồng.

- Quán triệt mục tiêu kiểm soát chặt chẽ cấp bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay trong phạm vi hạn mức bảo lãnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Về vay, trả nợ của chính quyền địa phương: khống chế hạn mức bội chi và nợ của chính quyền địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, theo đó bội chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2024 khoảng 0,3% GDP hàng năm.

3. Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022:

a) Kế hoạch vay của Chính phủ tối đa 673.546 tỷ đồng, gồm:

- Vay cho cân đối ngân sách trung ương tối đa 646.849 tỷ đồng, trong đó vay bù đắp bội chi ngân sách trung ương tối đa là 450.700 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc không quá 196.149 tỷ đồng.

- Vay về cho vay lại: 26.697 tỷ đồng.

Nguồn huy động linh hoạt từ các công cụ (i) phát hành trái phiếu Chính phủ, kỳ hạn phát hành bình quân có thể dưới 9 năm, trường hợp cần thiết báo cáo cấp có thẩm quyền phát hành bằng ngoại tệ; (ii) vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; và (iii) trong trường hợp cần thiết vay từ các nguồn tài chính hợp pháp khác hoặc phát hành trái phiếu Chính phủ trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Trả nợ của Chính phủ khoảng 335.815 tỷ đồng, trong đó trả nợ trực tiếp của Chính phủ không quá 299.849 tỷ đồng, trả nợ của các dự án cho vay lại 35.966 tỷ đồng.

c) Về vay được Chính phủ bảo lãnh:

- Mức bảo lãnh phát hành trái phiếu đối với Ngân hàng Chính sách xã hội tối đa 20.400 tỷ đồng (bằng nghĩa vụ trả nợ gốc trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến hạn trong năm 1.400 tỷ đồng cộng hạn mức bảo lãnh phát hành để thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội tối đa là 19.000 tỷ đồng). Trường hợp năm 2022 không sử dụng hết hạn mức bảo lãnh phát hành để thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, cho phép Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển sang năm 2023 để thực hiện, đảm bảo tổng khối lượng phát hành thực tế trong 2 năm không vượt quá 38.400 tỷ đồng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

- Mức bảo lãnh phát hành trái phiếu đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến hạn trong năm. Mức phát hành trái phiếu cụ thể đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam sẽ được xác định trên cơ sở Bộ Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

- Đối với bảo lãnh cho doanh nghiệp vay trong nước và ngoài nước, số rút vốn không vượt quá số trả nợ gốc trong năm.

d) Kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương:

- Vay từ nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn vay trong nước khác khoảng 28.637 tỷ đồng.

- Trả nợ của chính quyền địa phương 6.111 tỷ đồng, gồm chi trả gốc 3.637 tỷ đồng và chi trả lãi 2.474 tỷ đồng.

đ) Vay thương mại nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh: Hạn mức vay thương mại nước ngoài trung, dài hạn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả tối đa 7.300 triệu USD; tốc độ tăng dư nợ nước ngoài ngắn hạn khoảng 25% so với dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021.

#### **4. Tổ chức thực hiện**

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ các quan điểm chỉ đạo và chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo

nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025;

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

- Đối với các khoản vay nước ngoài của Chính phủ cho chương trình, dự án, giao các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2022 chi tiết theo danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án, gửi phương án phân bổ đối với phần vốn nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi thực hiện và kiểm soát giải ngân theo dự toán.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Giao thông vận tải bảo đảm bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và dự toán hàng năm từ năm 2022 để thanh toán đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh của các dự án thực hiện theo hình thức BT, không để ảnh hưởng tiêu cực đến hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam và uy tín của Chính phủ. Các Bộ, ngành cần tăng cường phối hợp trong việc nghiêm túc thực thi các cam kết của Chính phủ, tránh tình trạng phối hợp không hiệu quả, không hết trách nhiệm dẫn đến việc chậm trả nợ.

- Thực hiện quản lý nhà nước, theo dõi, kiểm tra, giám sát, thanh tra, báo cáo và cung cấp thông tin về nợ công, nợ Chính phủ, nợ chính quyền địa phương theo quy định.

#### b) Bộ Tài chính:

- Chủ động cơ cấu huy động vốn vay, kỳ hạn phát hành trong nước và nước ngoài, gắn công tác phát hành với tái cơ cấu danh mục nợ và phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ.

- Sử dụng linh hoạt nguồn vốn huy động cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nguồn vốn huy động theo kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm, hàng năm.

- Theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2021-2025; trường hợp có biến động, rủi ro lớn, chủ trì báo cáo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để kịp thời báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mức phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh cụ thể cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Quyết định này và đề án phát hành trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Thông báo hạn mức tối đa được phép phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và chỉ đạo, giám sát Ngân hàng Chính sách xã hội huy động vốn từ phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường vốn trong nước, thị trường trái phiếu Chính phủ cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng đa dạng hóa về sản phẩm và cơ sở nhà đầu tư, ưu tiên phát triển nhà đầu tư dài hạn và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường vốn, thị trường trái phiếu.

- Nghiên cứu, tiến tới áp dụng phương pháp thống kê nợ nước ngoài của khu vực công và khu vực tư nhân theo nguyên tắc nơi cư trú của chủ nợ để phù hợp hơn với chuẩn mực quốc tế; đồng thời theo dõi chỉ tiêu nợ nước ngoài theo tiêu chí ngoại tệ để quản lý rủi ro tỷ giá.

- Nâng cao hiệu quả và tăng cường năng lực quản lý nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017, trong đó tập trung hình thành cơ quan quản lý nợ công chuyên nghiệp, hiện đại theo thông lệ quốc tế theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị; nâng cao trình độ công chức làm công tác quản lý nợ.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hạn mức nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, bảo đảm trong hạn mức được phê duyệt.

- Phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện nghiên cứu, tiến tới đổi mới phương thức và công cụ quản lý, thống kê nợ nước ngoài của quốc gia theo hướng tách bạch quản lý nợ nước ngoài của khu vực công (nợ Chính phủ, nợ Chính phủ bảo lãnh) và nợ tự vay, tự trả của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng, phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

- Phối hợp với Bộ Tài chính trong công tác huy động vốn cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm, hằng năm.

d) Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của năm 2022.

- Chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về khối lượng, cơ cấu và kỳ hạn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo mức được giao để cân đối nguồn vốn hoạt động, phù hợp với tiến độ giải ngân các chính sách cho vay ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, đồng thời nâng cao chất lượng tín dụng, sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

5. Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình quản lý nợ công 03 năm 2022-2024 lấy từ:

a) Nguồn kinh phí triển khai chương trình, nhiệm vụ được bố trí từ NSNN, huy động từ các nguồn vốn tài trợ nước ngoài và nguồn phí được sử dụng từ phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh theo quy định của Luật Quản lý nợ công 2017, Nghị định 91/2018/NĐ-CP về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Nghị định 94/2018/NĐ-CP về nghiệp vụ quản lý nợ công, Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 11/2021/QĐ-TTg ngày 17 tháng 03 tháng 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài thời gian thực hiện cơ chế tài chính đặc thù của một số cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, cân đối vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg,  
các Vụ: QHQT, CN, NN, KGVX,  
PL, TH, TGD Công TTĐT, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b) <sup>16</sup>

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



*[Handwritten signature]*

**Lê Minh Khái**